BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Số: 7538/QĐ-VĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp
Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 01/07/2025;

Căn cứ Luật dược ngày 06/04/2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược ngày 21/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật dược;

Căn cứ Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thuốc và điều trị ngày 13/08/2026;

Căn cứ công văn số 5441/VĐ – NT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc đề nghị cung ứng hàng hóa cho Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Công văn phúc đáp của các Công ty.

Căn cứ Tờ trình ngày 01 tháng 10 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Căn cứ Quyết định số 6647/QĐ-VĐ ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật,

nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng giữa Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức và các Công ty;

Căn cứ Tờ trình ngày 05 tháng 11 năm 2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Theo đề nghị của Nhà thuốc và Phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp của gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 - 2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói mua sắm

- Tên gói mua sắm: Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp Thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027.

- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

Giá dự toán: 7.215.263.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng./.).

- Hình thức mua sắm: Phát hành thư mời hồ sơ tham dự cung cấp hàng hóa có trong danh mục trúng thầu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức trong thời hạn của hợp đồng. Lựa chọn đơn vị là nhà thầu đã trúng thầu tại Bệnh viện, tiếp tục cung cấp cho Nhà thuốc với giá không cao hơn giá đang cung cấp.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà cung cấp đạt yêu cầu đề nghị cung ứng

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
1	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội	02	337.106.000
2	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Liệu TW2	07	4.602.054.000
3	Công TY TNHH Dược Phẩm Gigamed	01	200.880.000

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội	02	157.351.000
5	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	02	582.433.000
6	Công Ty TNHH KenKo Pharma	01	58.310.000
7	Công Ty TNHH Dược Phẩm Vihapha	01	11.804.000
8	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	02	5.325.000
9	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Vipharco	01	1.260.000.000
	Tổng số: 09 nhà cung cấp	**19**	**7.215.263.000**

- Tổng giá trị cung ứng: 7.215.263.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng./.), bao gồm 09 công ty, cung ứng 19 mặt hàng.

3. Thông tin nhà cung cấp không đạt yêu cầu đề nghị cung cấp:

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp	Lý do không đáp ứng yêu cầu
1	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Thương Mại Dịch Vụ Minh Long	01	1.867.600.000	Công ty gửi Công văn số 35/CV-ML/2026 ngày 05/10/2026 từ chối ký hợp đồng cung ứng Espacox 200mg do không đảm bảo đủ số lượng theo yêu cầu

4. Thông tin danh mục hàng hóa, nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu đề nghị cung cấp: chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm.

5. Thông tin danh mục hàng hóa, nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu đề nghị cung cấp: chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Giao Nhà thuốc, Phòng Tài chính kế toán căn cứ nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nhà thuốc, Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Dương Đức Hùng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THUỐC, NHÀ CUNG CẤP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP

Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 7558 /QĐ-VĐ ngày 6 tháng 11 năm 2026)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng
1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI																			
1	GE131	Stiprol	Glycerol	6,75g /9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Hộp 6 tuýp x 9g	Nhóm 4	36 tháng	893100092424	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	4.200	6.930	29.106.000	6.930	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD260009269 8_2605051110 ngày 06/05/2026
2	GE164	Tranfast	Macrogol 4000 + Natri sulfat + Natri bicarbonat+ Natri clorid+ Kali clorid	64g + 5,7g + 1,68g +1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 10 gói	Nhóm 4	36 tháng	893110880824 (VD-33430-19)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Gói	11.000	28.000	308.000.000	28.000	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD260009269 8_2605051110 ngày 06/05/2026
		Tổng cộng: 02 khoản														**337.106.000**			
Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bảy triệu, một trăm linh sáu nghìn đồng./.																			
2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2																			
1	BDG112	Crestor 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	24 tháng	VN-18150-14	CSSX: IPR Pharmaceuticals Inc., CSĐG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ, CSĐG: Anh	Viên	144.000	9.896	1.425.024.000	9.896	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026
2	BDG113	Crestor 20mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	24 tháng	VN-18151-14	CSSX: IPR Pharmaceuticals Inc., CSĐG: AstraZeneca UK Limited	CSSX: Mỹ, CSĐG: Anh	Viên	117.000	14.903	1.743.651.000	14.903	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng
3	BDG14	Eliquis	Apixaban	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	539110436323	CSSX: Pfizer Ireland Pharmaceuticals - CSĐG và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Ireland - CSĐG và xuất xưởng: Đức	Viên	6.000	24.150	144.900.000	24.150	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026
4	BDG13	Eliquis	Apixaban	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	539110436423	CSSX: Pfizer Ireland Pharmaceuticals - CSĐG và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Ireland - CSĐG và xuất xưởng: Đức	Viên	13.000	24.150	313.950.000	24.150	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026
5	BDG73	Procoralan 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 5,390mg) 5mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	BDG	36 tháng	300110526124	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	18.000	10.268	184.824.000	10.268	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026
6	BDG74	Procoralan 7.5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 8,085mg) 7,5mg	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	BDG	36 tháng	300110526224	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	38.500	10.546	406.021.000	10.546	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD260000734 8_2601140846 ngày 15/01/2026
7	GE217	Creon 25000	Pancreatin (tương đương Amylase + Lipase + Protease)	300mg (18000 đơn vị Ph.Eur + 25000 đơn vị Ph.Eur + 1000 đơn vị Ph.Eur)	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	QLSP-0700-13	Abbott Laboratories GmbH	Đức	Viên	28.000	13.703	383.684.000	13.703	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD260008264 3_2604220952 ngày 24/04/2026
		Tổng cộng: 07 khoản														**4.602.054.000**			
Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm linh hai triệu, không trăm năm mươi tư nghìn đồng./.																			
3. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED																			

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng
1	BDG78	Hyzaar 50mg/12.5mg	Losartan potassium + Hydrochlorothiazide	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	24 tháng	500110078123	Organon Pharma (UK) Limited	Anh	Viên	24.000	8.370	200.880.000	8.370	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD2600019988_2601281120 ngày 30/01/2026
		Tổng cộng: 01 khoản														**200.880.000**			
Bằng chữ: Hai trăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng./.																			
4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																			
1	GE219	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Nhóm 1	36 tháng	300100523924	UPSA SAS	Pháp	Viên	1.000	2.420	2.420.000	2.420	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600082666_2604220959 ngày 24/04/2026
2	GE82	Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg	Desmopressin (dưới dạng desmopressin acetate)	60mcg (67mcg)	Uống	Viên đông khô đặt dưới lưỡi	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-18301-14 (Có QĐ gia hạn số 407/QĐ-QLD ngày 19/06/2024)	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Catalent U.K. Swindon Zydis Limited; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Ferring International Center SA	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Anh; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Viên	7.000	22.133	154.931.000	22.133	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600082666_2604220959 ngày 24/04/2026
		Tổng cộng: 02 khoản														**157.351.000**			
Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn đồng./.																			
5. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC																			
1	BDG21	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	BDG	24 tháng	VN-22715-21	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Ống	7.000	13.834	96.838.000	13.834	QĐ số 262/QĐ-VĐ ngày 12/01/2026	HD2600017662_2601261543 ngày 28/01/2026
2	GE165	Fortrans	Mỗi gói chứa: Macrogol 4000: 64 g; Anhydrous sodium sulfate: 5,7 g; Sodium bicarbonate: 1,68 g; Sodium chloride: 1,46 g; Potassium chloride: 0,75 g	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 4 gói, Hộp 50 gói	Nhóm 1	36 tháng	VN-19677-16	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	13.500	35.970	485.595.000	35.970	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600092533_2605051029 ngày 06/05/2026
		Tổng cộng: 02 khoản														**582.433.000**			
Bằng chữ: Năm trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng./.																			

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng
6. CÔNG TY TNHH KENKO PHARMA																			
1	GE04	Aspirin MKP 81	Acetylsalicylic acid(DL-lysin-acetylsalicylat)	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110234624	Công ty TNHH Mekophar	Việt Nam	Viên	171.500	340	58.310.000	340	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600094405_2605061409 ngày 07/05/2026
		Tổng số: 01 khoản														**58.310.000**			
Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, ba trăm mười nghìn đồng./.																			
7. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIHAPHA																			
1	GE86	DigoxineQualy	Digoxin	0,25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110428024 (VD-31550-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	Viên	13.000	908	11.804.000	908	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600092768_2605051136 ngày 06/05/2026
		Tổng số: 01 khoản														**11.804.000**			
Bằng chữ: Mười một triệu, tám trăm linh bốn nghìn đồng./.																			
8. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC																			
1	GE173	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893115304223 (CV gia hạn số 737/QĐ-QLD ngày 09/10/2023)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	25.000	119	2.975.000	119	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600092660_2605051058 ngày 06/05/2026
2	GE121	Vinzix	Furosemid	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 50 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110306023 (CV gia hạn số 737/QĐ-QLD ngày 09/10/2023)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	25.000	94	2.350.000	94	QĐ số 2304/QĐ-VĐ ngày 16/04/2026	HD2600092660_2605051058 ngày 06/05/2026
		Tổng số: 02 khoản														**5.325.000**			
Bằng chữ: Năm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.																			

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng
9. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO																			
1	GE22	Antarene Codeine 200mg/ 30mg	Ibuprofen + Codein phosphat hemihydrat	200mg + 30mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	300110005624 (VN-21380-18)	Sophartex	Pháp	Viên	140.000	9.000	1.260.000.000	9.000	QĐ số 1027/QĐ-VĐ ngày 13/02/2026	HD260004537 7_2603061104 ngày 10/03/2026
		Tổng số: 01 khoản														**1.260.000.000**			
Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng./.																			
		Tổng cộng: 19 khoản														**7.215.263.000**			
Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng./.																			

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Dương Đức Hùng

BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THUỐC, NHÀ CUNG CẤP KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP

Gói mua sắm thuốc số 04: Cung cấp thuốc (TV) cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 7538/QĐ-VĐ ngày 06 tháng 11 năm 2026)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự toán (có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu (có VAT, VNĐ)	QĐ trúng thầu	Hợp đồng	Lý do không đáp ứng yêu cầu
1. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH LONG																				
1	GE10	Espacox 200mg	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	840110518324 (VN-20945-18)	Laboratorios Normon, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	203.000	9.200	1.867.600.000	9.200	QĐ số 1027/QĐ-VĐ ngày 13/02/2026	HD2600045223_2603061004 ngày 10/03/2026	Công ty gửi công văn số 35/CV-ML/2026 ngày 05/10/2026 từ chối ký hợp đồng cung ứng Espacox 200 mg do không đảm bảo đủ số lượng theo yêu cầu
		Tổng số: 01 khoản														**1.867.600.000**				
Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng./.																				

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Dương Đức Hùng